

Số: 881/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2578/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5240b/BTP-KHTC ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tư pháp số 3931/BTP-KHTC ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc cấp kinh phí bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu Hà (Kon Tum); Công văn số 4026/BTP-KHTC ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc cấp kinh phí bồi thường cho Công ty TNHH MTV Huy Phương; Công văn số 4107/BTP-KHTC ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc cấp kinh phí bồi thường cho bà Trần Thị Vinh cùng các con (Đồng Nai); Công văn số 4110/BTP-KHTC ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước khối cơ quan THADS năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TCTHADS ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự (theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử Tổng cục THADS (để đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Trần Thị Phương Hoa**



**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 881/QĐ-TCTHADS ngày 12/9/2023 của  
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
<b>I</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340-341)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>1</b>	<b>Văn phòng Tổng cục</b>	<b>-12,983,570</b>	<b>-12,983,570</b>
	Giao tự chủ tài chính	-7,983,570	-7,983,570
	Giao không tự chủ tài chính	-5,000,000	-5,000,000
<b>2</b>	<b>Cục THADS TP.Hà Nội</b>	<b>2,087,514</b>	<b>2,087,514</b>
	Giao tự chủ tài chính	950,000	950,000
	Giao không tự chủ tài chính	1,137,514	1,137,514
<b>3</b>	<b>Cục THADS TP.Hải Phòng</b>	<b>14,000</b>	<b>14,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	14,000	14,000
<b>4</b>	<b>Cục THADS TP. Hồ Chí Minh</b>	<b>1,801,999</b>	<b>1,801,999</b>
	Giao tự chủ tài chính	855,000	855,000
	Giao không tự chủ tài chính	946,999	946,999
<b>5</b>	<b>Cục THADS TP. Đà Nẵng</b>	<b>281,652</b>	<b>281,652</b>
	Giao tự chủ tài chính	142,500	142,500
	Giao không tự chủ tài chính	139,152	139,152
<b>6</b>	<b>Cục THADS TP.Cần Thơ</b>	<b>356,600</b>	<b>356,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	341,600	341,600
	Giao không tự chủ tài chính	15,000	15,000
<b>7</b>	<b>Cục THADS tỉnh Nam Định</b>	<b>10,600</b>	<b>10,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	10,600	10,600
<b>8</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hà Nam</b>	<b>12,000</b>	<b>12,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	12,000	12,000
<b>9</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hải Dương</b>	<b>137,500</b>	<b>137,500</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	137,500	137,500
<b>10</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hưng Yên</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	15,000	15,000
<b>11</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thái Bình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0

*(Chữ ký)*

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>12</b>	<b>Cục THADS tỉnh Long An</b>	<b>586,800</b>	<b>586,800</b>
	Giao tự chủ tài chính	536,800	536,800
	Giao không tự chủ tài chính	50,000	50,000
<b>13</b>	<b>Cục THADS tỉnh Tiền Giang</b>	<b>407,738</b>	<b>407,738</b>
	Giao tự chủ tài chính	292,800	292,800
	Giao không tự chủ tài chính	114,938	114,938
<b>14</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bến Tre</b>	<b>280,295</b>	<b>280,295</b>
	Giao tự chủ tài chính	244,000	244,000
	Giao không tự chủ tài chính	36,295	36,295
<b>15</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đồng Tháp</b>	<b>398,800</b>	<b>398,800</b>
	Giao tự chủ tài chính	292,800	292,800
	Giao không tự chủ tài chính	106,000	106,000
<b>16</b>	<b>Cục THADS tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>105,600</b>	<b>105,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	97,600	97,600
	Giao không tự chủ tài chính	8,000	8,000
<b>17</b>	<b>Cục THADS tỉnh An Giang</b>	<b>180,400</b>	<b>180,400</b>
	Giao tự chủ tài chính	146,400	146,400
	Giao không tự chủ tài chính	34,000	34,000
<b>18</b>	<b>Cục THADS tỉnh Kiên Giang</b>	<b>282,000</b>	<b>282,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	244,000	244,000
	Giao không tự chủ tài chính	38,000	38,000
<b>19</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hậu Giang</b>	<b>274,000</b>	<b>274,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	244,000	244,000
	Giao không tự chủ tài chính	30,000	30,000
<b>20</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bạc Liêu</b>	<b>-60,200</b>	<b>-60,200</b>
	Giao tự chủ tài chính	48,800	48,800
	Giao không tự chủ tài chính	-109,000	-109,000
<b>21</b>	<b>Cục THADS tỉnh Cà Mau</b>	<b>72,000</b>	<b>72,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	72,000	72,000
<b>22</b>	<b>Cục THADS tỉnh Trà Vinh</b>	<b>341,600</b>	<b>341,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	341,600	341,600
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>23</b>	<b>Cục THADS tỉnh Sóc Trăng</b>	<b>409,800</b>	<b>409,800</b>
	Giao tự chủ tài chính	292,800	292,800
	Giao không tự chủ tài chính	117,000	117,000
<b>24</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Ninh</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>25</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Giang</b>	<b>47,500</b>	<b>47,500</b>
	Giao tự chủ tài chính	47,500	47,500
	Giao không tự chủ tài chính	0	0



STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
<b>26</b>	<b>Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc</b>	<b>6,000</b>	<b>6,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	6,000	6,000
<b>27</b>	<b>Cục THADS tỉnh Phú Thọ</b>	<b>15,600</b>	<b>15,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	15,600	15,600
<b>28</b>	<b>Cục THADS tỉnh Ninh Bình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>29</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thanh Hoá</b>	<b>63,334</b>	<b>63,334</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	63,334	63,334
<b>30</b>	<b>Cục THADS tỉnh Nghệ An</b>	<b>166,000</b>	<b>166,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	166,000	166,000
<b>31</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh</b>	<b>59,000</b>	<b>59,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	59,000	59,000
<b>32</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Bình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>33</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Trị</b>	<b>72,000</b>	<b>72,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	72,000	72,000
<b>34</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế</b>	<b>33,480</b>	<b>33,480</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	33,480	33,480
<b>35</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	<b>97,600</b>	<b>97,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	97,600	97,600
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>36</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Thuận</b>	<b>292,800</b>	<b>292,800</b>
	Giao tự chủ tài chính	292,800	292,800
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>37</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đồng Nai</b>	<b>561,280</b>	<b>561,280</b>
	Giao tự chủ tài chính	380,000	380,000
	Giao không tự chủ tài chính	181,280	181,280
<b>38</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Dương</b>	<b>712,500</b>	<b>712,500</b>
	Giao tự chủ tài chính	712,500	712,500
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>39</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Phước</b>	<b>146,400</b>	<b>146,400</b>
	Giao tự chủ tài chính	146,400	146,400
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>40</b>	<b>Cục THADS tỉnh Tây Ninh</b>	<b>531,130</b>	<b>531,130</b>

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
	Giao tự chủ tài chính	427,500	427,500
	Giao không tự chủ tài chính	103,630	103,630
<b>41</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Nam</b>	<b>108,800</b>	<b>108,800</b>
	Giao tự chủ tài chính	48,800	48,800
	Giao không tự chủ tài chính	60,000	60,000
<b>42</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Định</b>	<b>90,472</b>	<b>90,472</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	90,472	90,472
<b>43</b>	<b>Cục THADS tỉnh Khánh Hoà</b>	<b>236,406</b>	<b>236,406</b>
	Giao tự chủ tài chính	97,600	97,600
	Giao không tự chủ tài chính	138,806	138,806
<b>44</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi</b>	<b>97,600</b>	<b>97,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	97,600	97,600
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>45</b>	<b>Cục THADS tỉnh Phú Yên</b>	<b>190,000</b>	<b>190,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	190,000	190,000
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>46</b>	<b>Cục THADS tỉnh Ninh Thuận</b>	<b>55,875</b>	<b>55,875</b>
	Giao tự chủ tài chính	55,875	55,875
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>47</b>	<b>Cục THADS tỉnh Thái Nguyên</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	15,000	15,000
<b>48</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bắc Kạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>49</b>	<b>Cục THADS tỉnh Cao Bằng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>50</b>	<b>Cục THADS tỉnh Lạng Sơn</b>	<b>36,000</b>	<b>36,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	36,000	36,000
<b>51</b>	<b>Cục THADS tỉnh Tuyên Quang</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>52</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hà Giang</b>	<b>48,000</b>	<b>48,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	48,000	48,000
<b>53</b>	<b>Cục THADS tỉnh Yên Bái</b>	<b>63,000</b>	<b>63,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	63,000	63,000
<b>54</b>	<b>Cục THADS tỉnh Lào Cai</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0



STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
	Giao không tự chủ tài chính	15,000	15,000
<b>55</b>	<b>Cục THADS tỉnh Hòa Bình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>56</b>	<b>Cục THADS tỉnh Sơn La</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>57</b>	<b>Cục THADS tỉnh Điện Biên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>58</b>	<b>Cục THADS tỉnh Lai Châu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>59</b>	<b>Cục THADS tỉnh Quảng Ninh</b>	<b>774,400</b>	<b>774,400</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	774,400	774,400
<b>60</b>	<b>Cục THADS tỉnh Lâm Đồng</b>	<b>40,000</b>	<b>40,000</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	40,000	40,000
<b>61</b>	<b>Cục THADS tỉnh Gia Lai</b>	<b>148,600</b>	<b>148,600</b>
	Giao tự chủ tài chính	97,600	97,600
	Giao không tự chủ tài chính	51,000	51,000
<b>62</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đắk Lắk</b>	<b>264,095</b>	<b>264,095</b>
	Giao tự chủ tài chính	221,095	221,095
	Giao không tự chủ tài chính	43,000	43,000
<b>63</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đắk Nông</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>64</b>	<b>Cục THADS tỉnh Kon Tum</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>II</b>	<b>CHI BỒI THƯỜNG (LOẠI 340-368)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>1</b>	<b>Văn phòng Tổng cục</b>	<b>-5,737,306.795</b>	<b>-5,737,306.795</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	-5,737,306.795	-5,737,306.795
<b>37</b>	<b>Cục THADS tỉnh Đồng Nai</b>	<b>2,080,594.795</b>	<b>2,080,594.795</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	2,080,594.795	2,080,594.795
<b>42</b>	<b>Cục THADS tỉnh Bình Định</b>	<b>2,832,989</b>	<b>2,832,989</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	2,832,989	2,832,989

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
	Giao không tự chủ tài chính	0	0
<b>64</b>	<b>Cục THADS tỉnh Kon Tum</b>	<b>823,723</b>	<b>823,723</b>
	Giao tự chủ tài chính	0	0
	Giao không tự chủ tài chính	823,723	823,723

